| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - hạnh phúc** |

Bản án số : 56/2020/DS-PT
Ngày 24-3-2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

*Các Thẩm phán*: Ông Ngô Tấn Lợi

Ông Đinh Chí Tâm

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thanh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp***: Ông Nguyễn Tấn Tài - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04/3 và 24/3 năm 2020 tại Trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 460/2019/TLPT- DS ngày 11 tháng 12 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng dân sự - Vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 71/2019/ DS - ST ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh bị kháng cáo.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 23/2020/QĐ - PT ngày 04 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Phạm Quang H, sinh năm: 1955;

2. Bà Đoàn Thị H, sinh năm: 1955;

Cùng địa chỉ: Số A, Phường A, thành phố A, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Quang H và bà Đoàn Thị H: Ông Nguyễn Phước Tuấn Đ, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: Ấp H Sơn, xã A, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; (Văn bản ủy quyền ngày 12/4/2019).

- *Bị đơn:*

1. Ông Đoàn Bá T, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Số A, đường A, Khóm 3, Phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ hiện nay: Số A, khóm A, phường A, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Nguyễn Kim D, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Số A, đường A, khóm 3, Phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo bà Nguyễn Kim D là bị đơn của vụ án.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

## NỘI D VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:*

Từ tháng 5/2015 đến tháng 9/2016, ông H và bà H nhiều lần cho vợ chồng ông T và bà D vay tiền để kinh doanh. Do tin tưởng vợ chồng ông T là em trai ruột của bà H nên thời điểm cho vay hai bên không lập giấy tờ, chỉ thỏa thuận miệng với nhau, lãi suất 01%/tháng. Số tiền cho vợ chồng ông T vay, ông H và bà H mang tiền mặt qua những lần về Đồng Tháp nơi ông T sinh sống hoặc chuyển qua tài khoản cá nhân của ông T (Số tài khoản 070020057562 tại Ngân hàng Sacombank Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp).

Ngày 06/01/2018, hai bên cùng thỏa thuận lập 02 giấy xác nhận vay tiền, theo đó ông T đại diện xác nhận: Tính đến ngày 31/12/2017, tổng số tiền ông T nợ ông H và bà H là 28.340.000.000 đồng (Trong đó có 02 khoản là: 12.500.000.000 đồng và 15.840.000.000 đồng), lãi suất cho vay là 01%/tháng, thời điểm tính lãi bắt đầu từ ngày 01/01/2018. Vợ chồng ông T cam kết sẽ trả nợ cho ông H và bà H trong thời gian 10 ngày kể từ ngày thông báo thu hồi nợ. Từ thời điểm xác nhận nợ, đến năm 2018 ông T có giao xe TOYOTA-JAZ cho vợ chồng ông H trị giá 250.000.000 đồng để cấn trừ nợ, chiếc xe hiện nay vợ chồng ông H đang sử dụng. Vì vậy, ông T còn thiếu vợ chồng ông H số tiền 28.090.000.000 đồng.

Khi ông H và bà H thông báo thu hồi số tiền nợ trên trong năm 2018, vợ chồng ông T đã không thực hiện, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H và bà H. Vì những lý do nêu trên, ông H và bà H yêu cầu ông

Đoàn Bá T và bà Nguyễn Kim D liên đới trả cho ông H và bà H số tiền gốc là 28.090.000.000 đồng và tiền lãi trên số tiền gốc từ ngày 01/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/10/2019) với lãi suất 01%/tháng.

** Bị đơn bà Nguyễn Kim D trình bày:* Đối với số tiền vợ chồng ông, bà H cho ông Đoàn Bá T vay bà D không biết. Vì công việc làm ăn kinh doanh của ông T thì bà D không quan tâm, các anh chị của ông T cũng không có bàn bạc với bà D. Kinh tế trước đến giờ hai vợ chồng bà sống độc lập, ai làm nấy sống, bà D nuôi con. Bà D không có ký tên vào giấy vay nợ của vợ chồng ông H. Vợ chồng ông bà H cho ông T vay bao nhiêu bà D không biết.

Bà D thừa nhận là ông T vay số tiền này là để phục vụ cho việc kinh doanh của Công ty Bá T do ông T làm chủ. Đồng thời khi thành lập công ty này thì vốn đưa vào hoạt của công ty là tài sản chung của vợ chồng ông T và bà D. Đến năm 2015, do Công ty Bá T làm ăn hiệu quả nên ông T có thành lập thêm Công ty Việt Dũng và trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty thì bà D có tham gia quản lý với chức danh là Giám đốc và thủ quỹ của Công ty. Bà D chỉ đứng tên đại diện doanh nghiệp dùm ông T và có làm ở công ty một thời gian là do ông T nhờ. Vì là vợ chồng nên bà có giúp ông T làm ở công ty một thời gian và ông T có trả lương cho bà. Nhưng bà không biết gì trong việc kinh doanh của công ty của ông T. Hiện nay, bà D và ông T đã ly hôn và ông T cũng đã chuyển hộ khẩu đi nơi khác. Bà D không liên quan gì đến số tiền mà ông T vay của vợ chồng ông H nên bà D không đồng ý liên đới trả các khoản nợ nêu trên.

** Bị đơn ông Đoàn Bá T trình bày:* Ông T thừa nhận là ông có vay tiền nhiều lần của ông Phạm Quang H và bà Đoàn Thị H. Vào tháng 10/2010, ông T thành lập Công ty TNHH MTV Bá T, trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh do thiếu vốn lưu động ông T có vay tiền của vợ chồng ông H với lãi suất thỏa thuận là 01%/tháng. Đến ngày 06/01/2018, sau khi đối chiếu công nợ các khoản vay giữa vợ chồng ông H và ông T có thống nhất làm 02 giấy xác nhận nợ đến thời điểm ngày 31/12/2017. Theo 02 giấy xác nhận nợ thì ông T còn thiếu vợ chồng ông H số tiền 28.340.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến năm 2018 ông T có giao xe TOYOTA-JAZ cho vợ chồng ông H trị giá 250.000.000 đồng, chiếc xe hiện nay vợ chồng ông H đang sử dụng. Vì vậy, ông T chỉ còn nợ vợ chồng ông H số tiền 28.090.000.000 đồng.

Nay ông T chỉ đồng ý trả cho ông Phạm Quang H và bà Đoàn Thị H số tiền 28.090.000.000 đồng. Đối với phần lãi suất theo yêu cầu của vợ chồng ông H thì ông T không có khả năng trả.

Số tiền vay của vợ chồng ông H là do cá nhân ông T vay để phục vụ việc kinh doanh của Công ty TNHH MTV Bá T, các biên nhận nợ điều do cá nhân ông T ký tên vay tiền, bà D không liên quan đến khoản vay này. Ông T đồng ý cá nhân trả số tiền vay cho vợ chồng ông H.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/10/2019, bà Nguyễn Kim D kháng cáo với nội D: yêu cầu Tòa án phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm số 71/2019/DS-ST ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh và chấp nhận yêu cầu của bà về việc bà không đồng ý liên đới cùng ông T trả nợ cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Kim D giữ nguyên nội D đơn kháng cáo ngày 28/10/2019 với nội D yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không buộc bà pH liên đới cùng ông T trả nợ cho nguyên đơn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Xét kháng cáo của bà Nguyễn Kim D là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà D.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa;

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Kim D, không đồng ý cùng ông Đoàn Bá T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Phạm Quang H và bà Đoàn Thị H số tiền vay vốn và lãi còn thiếu là 34.119.986.000 đồng, vì bà cho rằng việc ông T chồng bà vay mượn nợ của nguyên đơn bà không biết, trong quá trình giải quyết ly hôn thì bà với ông T trình bày là không có tài sản cũng như trong thời gian sống chung thì ông, bà không có phân chia tài sản chung của vợ chồng, hiện nay vợ chồng bà cũng đã ly hôn vào tháng 4 năm 2019 hơn nửa bà không

có ký vào biên nhận nợ mà đây là khoảng nợ riêng của ông T. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm bà D và ông T cũng trình bày nguồn tiền đưa vào hoạt động Công ty Bá T là tài sản chung của vợ chồng cụ thể là thế chấp Ngân hàng hai căn nhà của vợ chồng để lấy tiền làm vốn, đồng thời bà D và ông T đều trình bày việc ông T vay tiền của vợ chồng ông H là để hoạt động kinh doanh của Công ty Bá T. Tại phiên tòa phúc thẩm bà D và ông T cũng trình bày nguồn tiền đưa vào hoạt động công ty Bá T là tài sản chung của vợ chồng cụ thể là thế chấp Ngân hàng hai căn nhà của vợ chồng để lấy tiền làm vốn. Ngoài ra trong thời gian hoạt động Công ty TNHH một thành viên Bá T làm ăn có hiệu quả nên đến năm 2015, ông T có thành lập thêm Công ty Việt Dũng. Trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty Việt Dũng thì bà D có tham gia quản lý với chức danh là Giám đốc và thủ quỹ của Công ty. Do vậy, có căn cứ xác định vợ chồng bà D và ông T kinh doanh chung nên việc bà D cho rằng không biết và không liên quan đến số tiền ông T vay của nguyên đơn là không phù hợp, còn đối với ông Nguyễn Bá T tại phiên tòa phúc thẩm thì cũng thừa nhận và đồng ý trả số vốn và lãi mà Tòa sơ thẩm xét xử là đúng ông không có ý kiến gì, chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét cho bà D. Từ những nhận định và căn cứ trên xét thấy Tòa cấp sơ thẩm xét xử buộc bà D liên đới cùng ông T trả nợ cho nguyên đơn là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh việc yêu cầu của mình là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà D.

[2] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và không có kháng nghị gì về thủ tục tố tụng. Về nội D vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà D, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 71/2019/DS-ST ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà D không được chấp nhận nên bà D pH chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 288, 463, 466, 468, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 25 và Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Kim D.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 71/2019/DS-ST ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Quang H và bà Đoàn Thị H.

- Buộc ông Đoàn Bá T và bà Nguyễn Kim D có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Quang H và bà Đoàn Thị H số tiền là 34.119.986.000 đồng (Ba mươi bốn tỷ một trăm mười chín triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

- Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành xong.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Quang H và bà Đoàn Thị H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 70.437.000 đồng (Bảy mươi triệu, bốn trăm ba mươi bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0008810 ngày 14/05/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (do Nguyễn Phước Tuấn Đ nộp thay).

Ông Đoàn Bá T và bà Nguyễn Kim D có nghĩa vụ liên đới nộp 142.119.000 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu một trăm mười chín nghìn đồng).

- Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Kim D pH nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà đã nộp theo

biên lai thu tạm ứng án phí số 0007710 ngày 29/10/2019 tại Chi cục Thi hành án thành phố Cao Lãnh.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Phòng GĐ & KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND thành phố Cao Lãnh;
-Chi cục THADS thành phố Cao Lãnh;
- Đương sự
- Lưu: VT, HSVA,TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy**